

Số: 575/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận thí sinh đủ điều kiện và được cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ kết quả kiểm tra ứng dụng CNTT cơ bản của thí sinh ngày 28/05/2025;

Theo đề nghị của Trung tâm NN-TH;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 69 thí sinh đủ điều kiện và được cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản của Trường Đại học Kinh Bắc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Phòng, Khoa, Trung tâm liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu TT, VT./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH BẮC
TS. Phạm Ngọc Trúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số **575** /QĐ-ĐHKB ngày **13** tháng **6** năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi		Ghi chú
							TN	TH	
1	Dương Thùy Dương	10D1010013	06/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	9	7	
2	Nguyễn Văn Kỳ	10D1010036	17/11/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,5	8	
3	Lê Tiến Dũng	10D1010015	24/10/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	9	7,5	
4	Trương Văn Ngọc	10D1010143	02/03/2003	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	8	7	
5	Ngô Khánh Huyền	10D3010060	16/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,3	7	
6	Nguyễn Thị Thu Phương	10D3010071	07/01/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	7,25	
7	Nguyễn Ngọc Anh	10D3010045	22/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	7,5	
8	Nguyễn Tuấn Hiệp	10D1010089	20/10/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7	7,5	
9	Trần Thị Ngân	10D3010069	25/03/2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	8,5	7,75	
10	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	10D1010014	15/07/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	6,5	
11	Dương Tuấn Anh	10D1010001	27/12/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,5	7,5	
12	Hoàng Thị Kha	10D1010032	17/04/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8	6,75	
13	Nguyễn Văn Quỳnh	10D1010159	13/05/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8	5,75	
14	Phạm Đình Phi	10D1030044	28/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7	6,75	
15	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	10D1010050	02/06/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8	6,5	
16	Nguyễn Thị Hải Anh	10D1010163	07/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5	7,25	
17	Dương Thị Thùy Linh	10D1010045	30/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,8	6,75	
18	Lê Tuấn Anh	10D1010072	22/11/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	6	6	
19	Nguyễn Thị Hương	10D1010093	06/10/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	6	
20	Đặng Thị Lan Anh	08H1010005	20/08/1996	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	8,5	8	
21	Nguyễn Ngọc Huyền	10D1010029	26/11/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,8	8	
22	Phạm Văn Tùng	08H1010002	08/06/1996	Hải Dương	Nam	Kinh	9,3	8	
23	Vũ Thị Nhung	10D1010051	27/05/2003	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	8,3	7	
24	Nguyễn Thị Vân Anh	11LC3010001	08/10/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	7,8	6	
25	Nguyễn Thị Nhung	10D3010028	08/10/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,3	6	
26	Phu Ta Xá	08D1030219	07/05/1998	Lào Cai	Nam	Hà Nhi	6,8	8	
27	Nguyễn Thị Thảo	10D3010073	09/08/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,3	7	
28	Nguyễn Thùy Linh	10D3010018	25/08/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,3	6	
29	Vũ Thị Cẩm Li	10D1030039	15/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,8	5	
30	Bùi Văn Đăng	10D1030017	17/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,3	6	

TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi		Ghi chú
							TN	TH	
31	Bùi Đức Bình	10D1010075	01/10/2003	Quảng Ninh	Nam	Kinh	5,8	7	
32	Khoảng Thanh Xuân	10D1030074	20/02/2003	Điện Biên	Nữ	Thái	8,8	6	
33	Nguyễn Thị Thanh Hoa	10D1030026	03/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	7,8	7	
34	Phí Hải Linh Chi	10D1030008	07/03/2003	Phú Thọ	Nữ	Mường	7,5	8,25	
35	Nguyễn Thị Phương Linh	10D1030035	13/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,3	8,25	
36	Nguyễn Thị Hà Giang	10D1030024	26/10/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,8	6,75	
37	Lê Thị Trúc	10D1030061	03/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,8	7,5	
38	Vương Thị Tăng	10D1030048	25/02/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7	
39	Nguyễn Thị Thùy Linh	09D1030081	28/01/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,8	7,5	
40	Nguyễn Thị Huyền	11D1010138	01/04/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,3	8	
41	Trần Ngọc Tuấn	10D1030066	05/07/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,8	8,25	
42	Nguyễn Thế Hùng	10D1010096	09/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,5	9,75	
43	Nguyễn Ngọc Trâm	10D1010135	27/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	8,5	
44	Trần Thị Thủy	10H3010007	01/05/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,8	8,25	
45	Phan Thị Cẩm Ly	10D1010044	31/05/2002	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	8,3	8,5	
46	Phạm Thị Mỹ Linh	10D1010040	23/03/2003	Điện Biên	Nữ	Kinh	6,8	8	
47	Nguyễn Bá Ngọc Anh	10D1010074	07/08/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	8	9	
48	Nguyễn Tùng Anh	10D2200002	25/09/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	7,3	6,5	
49	Quảng Thị Kiều	10D1010035	21/10/2003	Sơn La	Nữ	Thái	7,8	8,75	
50	Trần Thị Thảo	10D1010062	21/12/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	8,3	8,25	
51	Nguyễn Thị Trang	10H3010009	15/08/2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,5	8,75	
52	Đinh Văn Sĩ	10D1010120	17/07/1993	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,3	8,75	
53	Tạ Nhi Lan	10D1010037	05/03/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7,8	9	
54	Nguyễn Thị Hoài Linh	10D1010039	18/09/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	9	
55	Nguyễn Hoàng Sơn	10D1010121	30/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,8	6	
56	Nguyễn Thị Lan Anh	10D1010073	06/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8	9	
57	Lò Văn Anh	10D1010002	21/04/2003	Lai Châu	Nam	Thái	8,8	8	
58	Ngô Quang Huy	09D1030087	21/08/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,3	5,5	
59	Vì Văn Xuân	10D1010141	07/02/2003	Sơn La	Nam	Thái	7,3	6,5	
60	Bùi Thị Xuân	10H1010012	27/02/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,8	6,5	
61	Nguyễn Cao Kỳ	10H1010008	05/06/1991	Bắc Ninh	Nam	Kinh	9	7	
62	Phạm Thiêm Thiện	10LĐ1010016	26/01/1998	Hải Dương	Nam	Kinh	7,8	9	
63	Hà Văn Long	10LĐ1010019	27/06/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,8	9	
64	Trần Thùy Trang	10D3010037	22/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8	7	
65	Nguyễn Quang Huy	11LĐ1010005	03/09/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	8,8	8	
66	Nguyễn Hữu Thọ	10H1010010	21/04/1993	Thanh Hóa	Nam	Kinh	8,5	8	

TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm thi		Ghi chú
							TN	TH	
67	Đỗ Đức Đoàn	10D1010080	07/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,3	8	
68	Hoàng Nguyên Giáp	10D2200007	23/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,3	8,5	
69	Ngô Duy Toàn	10D1010161	07/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,8	8	

Danh sách gồm 69 sinh viên./. *Watus*

